

BÀI TẬP TUẦN 30 -MÔN TOÁN

Luyện tập chung - Tỉ lệ bản đồ

Ứng dụng của Tỉ lệ bản đồ - Thực hành

Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng nhất (câu 2 đến câu 5, câu 12, 13, 16, 17, 19) và hoàn thành theo yêu cầu các câu còn lại.

1. Nối từng phép tính với kết quả em tìm được.

$\frac{2}{3} + \frac{4}{7}$
$\frac{3}{4} - \frac{3}{5}$
$\frac{9}{11} \times \frac{5}{3}$
$\frac{2}{7} : \frac{4}{15}$

$\frac{3}{20}$
$\frac{26}{21}$
$\frac{15}{11}$
$\frac{15}{14}$

2. Một miếng bìa hình bình hành có chiều cao 12cm, độ dài đáy bằng $\frac{4}{3}$ chiều cao.

Tính diện tích miếng bìa đó.

- A. 16cm B. 9cm C. 192cm² D. 96cm²

3. Cửa hàng đồ chơi trẻ em có 120 chiếc xe gồm xe ô tô và xe tải. Biết số xe tải bằng $\frac{2}{3}$ số xe ô tô. Hỏi cửa hàng đó có bao nhiêu đồ chơi là xe ô tô?

- A. 80 chiếc B. 24 chiếc C. 72 chiếc D. 48 chiếc

4. Mẹ hơn con 30 tuổi. Biết hiện nay tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ. Vậy tuổi con hiện nay là:

- A. 1 tuổi B. 5 tuổi C. 6 tuổi D. 10 tuổi

5. Cho biết mỗi độ dài 1mm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 1000mm, em hãy tìm tỉ lệ bản đồ đó.

A. $\frac{1}{1000}$

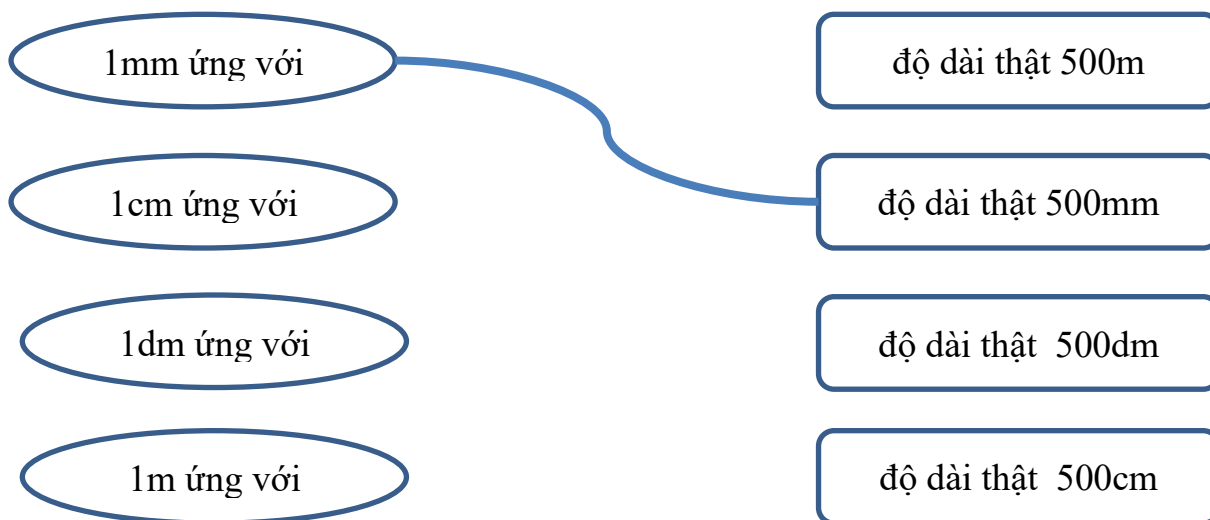
B. $\frac{1000}{1}$

C. $\frac{1}{1000}$ mm

D. $\frac{1}{100}$

6. Nối (theo mẫu)

Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 :

**7. Viết số thích hợp vào ô trống:**

Tỉ lệ bản đồ	1 : 1000	1 : 400	1 : 10 000	1 : 1 000 000
Độ dài thu nhỏ	1cm	1m	1dm	1mm
Độ dài thật	...cm	...m	...dm	...mm

8. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ☐.

Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000, quãng đường từ nhà em đến trường dài 1dm. Như vậy độ dài thật của quãng đường từ nhà em tới trường là:

10 000m ☐10 000dm ☐1km ☐**9. Điền đơn vị thích hợp vào chỗ chấm:**

Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 5000, chiều dài sân trường đo được 2cm. Như vậy chiều dài thật của sân trường đó là 100....

10. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Biết độ dài của quãng đường AB trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000 là 5cm.

Vậy độ dài thật của quãng đường AB đó làkm.

11. Nối (theo mẫu):

Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000:

<i>Độ dài thu nhỏ</i>
2mm
4cm
5mm
3dm
1m

<i>Độ dài thật</i>
4000cm
2000mm
3000dm
1000m
5000mm

12. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường Hà Nội – Hải Phòng đo được 102mm. Chiều dài thật của quãng đường Hà Nội – Hải Phòng là:

- A. 102mm B. 102m C. 102km D. 102cm

13. Quãng đường từ TP Hồ Chí Minh đến Vũng Tàu dài 100km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường đó dài là:

- A. 1mm B. 1cm C. 1dm D. 1m

14. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Biết độ dài thật của quãng đường AB là 50km. Vậy trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, độ dài quãng đường AB đo được ...cm.

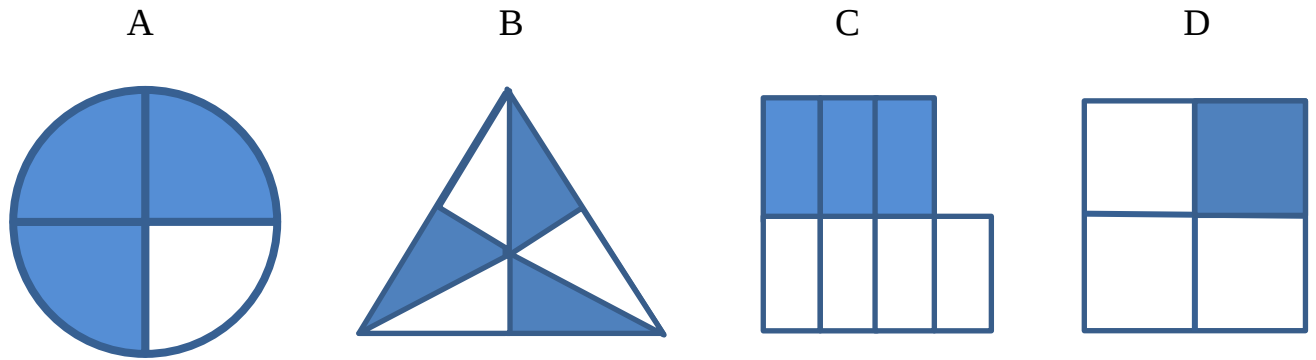
15. Viết số thích hợp vào ô trống:

Tỉ lệ bản đồ	1 : 1000	1 : 400	1 : 10 000	1 : 1 000 000
Độ dài thu nhỏ	...cm	...m	...dm	...mm
Độ dài thật	10m	800m	1km	2km

16. Chiều dài phòng học lớp em là 8m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1: 200 là bao nhiêu xăng-ti-mét?

- A. 2cm B. 3cm C. 4cm D. 16cm

17. Khoanh vào chữ đặt trên hình đã tô màu $\frac{3}{4}$ hình.



18. Đo độ dài rồi ghi kết quả vào ô trống:

Chiều dài ngôi nhà em đang ở	Chiều rộng ngôi nhà em đang ở

19. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100 000, sân trường có diện tích 36cm^2 . Như vậy diện tích thật của sân trường đó là:

- A. 320m^2 B. 360m^2 C. 400m^2 D. 380m^2

20. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- Em ước lượng chiều dài bảng lớp học em khoảng:m.
- Em dùng thước dây kiểm tra và ghi nhận chiều dài bảng lớp em thực tế là:m.

ĐÁP ÁN BÀI TẬP MÔN TOÁN LỚP 4

1.

$\frac{2}{3} + \frac{4}{7}$	$\frac{3}{20}$
$\frac{3}{4} - \frac{3}{5}$	$\frac{26}{21}$
$\frac{9}{11} \times \frac{5}{3}$	$\frac{15}{11}$
$\frac{2}{7} : \frac{4}{15}$	$\frac{15}{14}$

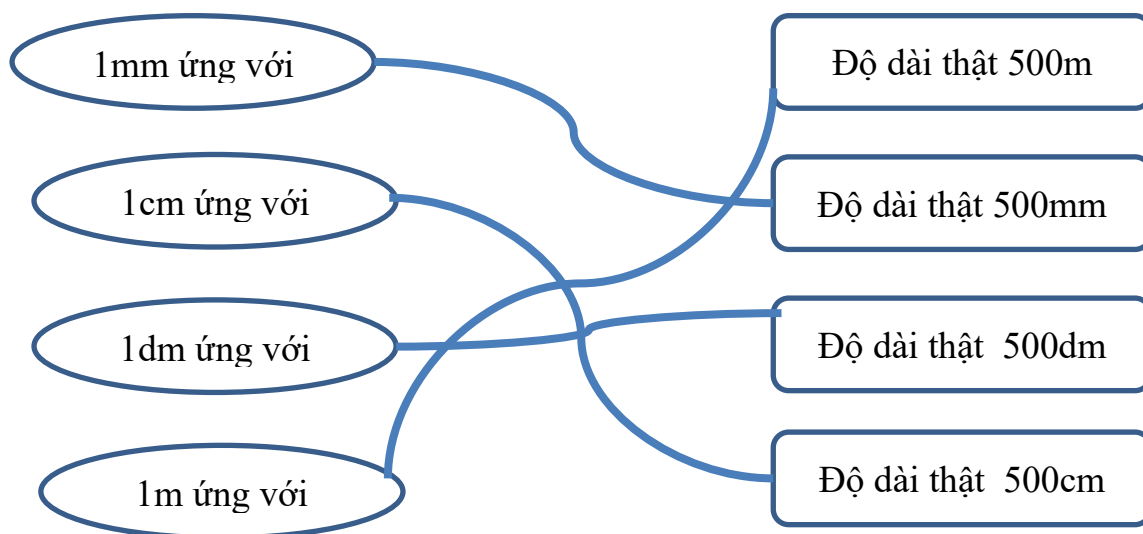
2. C

3. C

4. D

5. A

6. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500



7. Điền số vào chỗ chấm

Tỉ lệ bản đồ	1 : 1000	1 : 400	1 : 10 000	1 : 1 000 000
Độ dài thu nhỏ	1cm	1m	1dm	1mm
Độ dài thật	1000cm	400m	10 000dm	1 000 000mm

8. S – Đ – Đ

9. 100m

10. **50**km

11. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000

<i>Độ dài thu nhỏ</i>	<i>Độ dài thật</i>
2mm	4000cm
4cm	2000mm
5mm	3000dm
3dm	1000m
1m	5000mm

12. C

13. C

14. **5**cm

15. Điền số thích hợp

Tỉ lệ bản đồ	1 : 1000	1 : 400	1 : 10 000	1 : 1 000 000
Độ dài thu nhỏ	1 cm	2 m	1 dm	2 mm
Độ dài thật	10m	800m	1km	2km

16. C

17. A

18. HS ghi số đo thực tế CD, CR nhà em đang ở.

19. B

20. HS điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- Ước lượng chiều dài bảng lớp em khoảng ... m.
- Dùng thước dây kiểm tra và ghi nhận chiều dài bảng lớp em trên thực tế.